

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2025

V/v cung cấp báo giá dịch vụ “Khảo sát, lập báo cáo đánh giá hao hụt than Bituminous/Sub-bituminous trong công tác vận chuyển, lưu kho của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các đơn vị chào giá

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai gói thầu dịch vụ “Khảo sát, lập báo cáo đánh giá hao hụt than Bituminous/Sub-bituminous trong công tác vận chuyển, lưu kho của NMĐ Sông Hậu 1”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: *Chi tiết như Phụ lục đính kèm*
2. Tiến độ thực hiện: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
3. Địa điểm thực hiện: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 07/03/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Huỳnh Lam Phương - Phòng KTATMT, NMĐ Sông Hậu 1.

Điện thoại: 0856619880.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: phuonghl02@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hanhxx@pvpgb.vn, giangtth@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1: N.A.Tuấn;
- Phòng: TM, KHTC
- Lưu VT, KT-ATMT (H.L.P).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

## PHỤ LỤC

### **Khảo sát, lập báo cáo đánh giá hao hụt than Bituminous/Sub-bituminous trong công tác vận chuyển, lưu kho của NMD Sông Hậu 1**

(Kèm theo Công văn số 226./NMDSH1-KTATMT ngày 20/02/2025)

#### **A. Giới thiệu chung**

##### **a) Tổng quan hệ thống cấp than NMD Sông Hậu 1**

Than sẽ được vận chuyển bằng đường biển, bằng tàu than có tải trọng khoảng 6000-10.000 DWT tới cảng (Bến than) của nhà máy. Tại cảng được lắp đặt 02 thiết bị bốc dỡ than liên tục kiểu gầu xích P0EAA01 và P0EAA02, mỗi máy có công suất định mức 850t/h, 2 máy có thể làm việc cùng lúc để bốc dỡ than vào các tuyến băng tải nhập than vào kho hay lên bunker cấp than cho Lò hơi.

Bến than được thiết kế để bốc dỡ cho 02 tàu có tải trọng đến 10.000 tấn, Trang bị 2 thiết bị bốc dỡ than liên tục kiểu gầu xích (CSU), công suất mỗi CSU 850t/h. Than được bốc dỡ bởi 2 CSU từ tàu sẽ được vận chuyển lên kho, bunker bằng hệ thống các tuyến băng tải.

- Bến than: Gồm có 2 bến than: Bến than 1 và Bến than 2;
- Tổng chiều dài bến than: 310m; Tổng chiều rộng bến than: 25m.

Than từ cảng được đưa lên 2 băng tải P0EAC11/12 đến tháp chuyển tiếp P0UEF01A. Tại đây, than được chuyển sang băng tải P0EAC21/22 đến tháp chuyển tiếp P0UEF02. Tại P0UEF02, than được đưa vào kho than (P0UBE/02/03) qua băng tải P0EAC42 hoặc qua băng tải P0EAC31 vào kho than (P0UBE/01/02) qua băng tải P0EAC41.

Than từ kho than (P0UBE/02/03) bằng bộ đánh phá đồng liên hợp P0EAD42 lên băng tải P0EAC42 đến tháp chuyển tiếp P0UEF04 và được băng tải P0EAC51 đưa đến tháp chuyển tiếp P0UEF05. Tại P0UEF05 còn có một nguồn than được đưa đến đây từ kho than (P0UBE/01/02) bằng bộ đánh phá đồng liên hợp P0EAD41 lên băng tải P0EAC41.

#### **Tại Kho chứa than:**

- Kho chứa than có kích thước 413m x 198m, tổng kho than theo thiết kế có sức chứa khoảng 372.814 tấn đủ để cung cấp than cho nhà máy hoạt động 30 ngày (2 tổ máy đốt 12.220 tấn/ ngày).

- Phần kho than có máy che có kích thước 80m x 198m và sức chứa khoảng 85.545 tấn đủ cung cấp than cho nhà máy hoạt động 7 ngày.

- Trong kho có 02 máy đánh phá đồng liên hợp với công suất đánh đồng mỗi máy 1.700 t/h và công suất phá đồng mỗi máy 850 t/h.

Than từ tháp chuyển tiếp P0UEF05 được băng tải P0EAC61/62 vận chuyển đến tháp chuyển tiếp P0UEF06. Tại đây, than được sàng con lăn lọc ra những hạt than to có kích thước không đạt đưa qua máy nghiền trước khi trở lại băng tải.

Than từ tháp chuyển tiếp P0UEF06 được băng tải P0EAC71/72 đưa đến tháp chuyển tiếp P0UEF07. Tại đây, than được xuống băng tải P0EAC81/82 và được 2 Tripper Car (P0EAD81/81) đưa đến các Bunker. Có 2 Unit ( Unit1 và Unit 2), mỗi Unit có 5 Bunker (A,B,C,D,E).

Bên cạnh vận chuyển than bằng băng tải cho các tàu có tải trọng lớn, Nhà máy còn được thiết kế vận chuyển lượng than với tàu từ 1000-3000 tấn bằng gàu ngoạm từ các bến cảng phụ của Nhà máy (Bến đá vôi – Thạch cao, bến Tro bay – Thiết bị) vào kho than bằng các xe tải có tải trọng từ 10-25 tấn để đưa vào kho than với quãng đường di chuyển từ cảng phụ vào kho khoảng 800 mét.

#### **b) Bản vẽ sơ đồ hệ thống xuất nhập than đính kèm.**

### **B. Phạm vi công việc gói thầu**

#### **1. Căn cứ pháp lý**

Việc lập báo cáo đánh giá định mức hao hụt than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 phải tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế đang áp dụng cho việc vận chuyển và lưu trữ than bituminous/sub-bituminous.

#### **2. Phạm vi công việc chung của gói thầu**

- Khảo sát hiện trạng công trình.

- Lập phương án khảo sát, đánh giá và tính toán định mức hao hụt than bituminous/sub-bituminous đối với hệ thống vận chuyển và lưu trữ than của NMNĐ Sông Hậu 1 theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc Tế trình Chủ đầu tư phê duyệt.

- Lập báo cáo đánh giá công tác đo đạc, xác định hao hụt than trình Chủ đầu tư phê duyệt.

- Sửa đổi, hoàn thiện báo cáo đánh giá công tác đo đạc, xác định hao hụt than sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định (nếu có).

- Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm báo cáo đánh giá công tác đo đạc, xác định hao hụt than khi chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phạm vi công việc của Nhà thầu phải bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu của các nội dung dưới đây đồng thời tuân thủ các Quy chuẩn quy định do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền ban hành.

#### **4. Phạm vi công việc chi tiết của gói thầu**

##### **4.1. Công tác khảo sát hiện trạng**

- Điều tra, thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình để phục vụ lập nhiệm vụ, lập báo cáo công tác đo đạc, xác định hao hụt than

- Khảo sát trực tiếp tại hiện trường về tình trạng thiết bị, đặc tính kỹ thuật của thiết bị hiện hữu, điều kiện tự nhiên tại khu vực để phục vụ lập nhiệm vụ, lập báo cáo công tác đo đạc, xác định hao hụt than

##### **4.2. Công tác lập phương án thực hiện**

- Dựa trên các kết quả khảo sát hiện trạng, tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp, tiêu chuẩn Việt Nam, Quốc tế đối với hao hụt than bituminous/sub-bituminous trong quá trình vận chuyển, lưu kho để triển khai lập phương án thực hiện công tác đo đạc, xác định hao hụt than. Nội dung chính của nhiệm vụ bao gồm:

- Các căn cứ để lập phương án đo đạc, xác định hao hụt than;
- Mục tiêu đo đạc, xác định hao hụt than;
- Địa điểm đo đạc, xác định hao hụt than;
- Các yêu cầu về nhân lực, công cụ dụng cụ, chuyên gia để thực hiện công tác đo đạc, xác định hao hụt than;

##### **4.3. Công tác lập báo cáo**

Lập báo cáo đo đạc, xác định hao hụt than. Nội dung Báo cáo bao gồm:

###### **a. Thuyết minh chung**

Nội dung Thuyết minh chung phải đầy đủ theo quy định, các nguồn dẫn chứng phải rõ ràng, các phụ lục đảm bảo đầy đủ và thuận lợi cho việc đối chiếu với kết quả trong Báo cáo. Các nội dung cơ bản của Thuyết minh chung như sau:

- Sự cần thiết và chủ trương thực hiện, địa điểm thực hiện và diện tích sử dụng đất, quy mô, công suất, giải pháp thực hiện, an toàn trong quá trình thực hiện, phương án bảo vệ môi trường, bố trí kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện, hiệu quả thực hiện của gói thầu;
- Địa điểm thực hiện, điều kiện tự nhiên như địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn;
- Kết luận và kiến nghị;
- Các nội dung khác có liên quan.

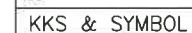
## **b. Quy trình và giải pháp triển khai**

**Quy trình và giải pháp triển khai** công tác đo đạc, xác định hao hụt than được lập phù hợp với hệ thống thiết bị hiện hữu tại Nhà máy, bảo đảm sự chính xác, tin cậy, tính khả thi, tính pháp lý trong công tác thực hiện. **Quy trình và giải pháp triển khai** gồm thuyết minh giải pháp và các bảng tính toán thể hiện các nội dung sau:

### ***- Thuyết minh giải pháp:***

- + Tóm tắt phương án;
- + Tiêu chuẩn áp dụng;
- + Các điều kiện tự nhiên khu vực dự án;
- + Giải pháp về đo đạc, phân tích chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí cho từng hạng mục;
- + Phương án thực hiện chi tiết;
- + Biện pháp thực hiện và dự toán chi phí
- + Các giải pháp lắp đặt thêm công cụ, dụng cụ, thiết bị phục vụ đánh giá (nếu có)
- + Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng

### ***- Bản vẽ thiết kế lắp đặt vật tư phục vụ đánh giá (nếu có):***



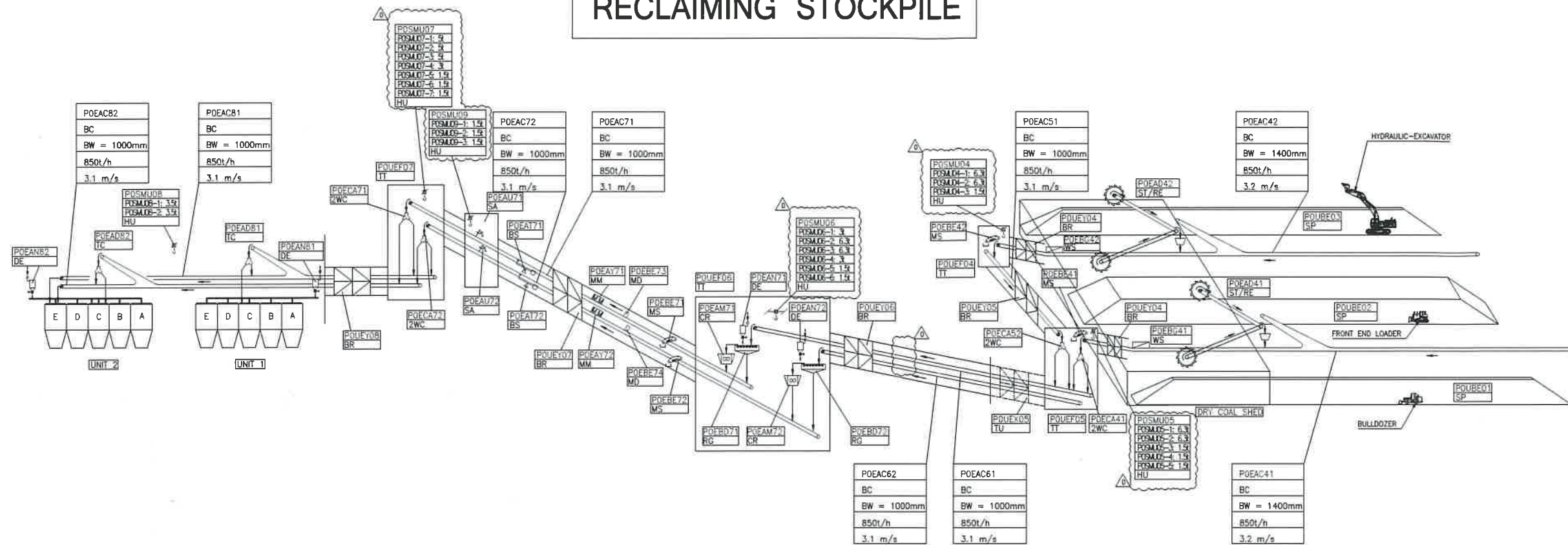
- |     |                                                                                     |                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| EAA |  | Continuous Ship Unloader |
| EAC |  | Belt Conveyor            |
| UEF |  | Transfer Tower           |
| UEY |  | Conveyor Gallery         |
| ECA |  | 2 way chute              |
| EBE |  | Magnetic Separator       |
| SMU |  | Hoist                    |
| EAT |  | Belt Scale               |
| UBE |  | Stockpile                |
| EBE |  | Metal Detector           |
| EAD |  | Stacker/Reclaimer        |
| EAD |  | Tripper Car              |
| UEX |  | Tunnel                   |
| EBD |  | Roller Grizzly           |
| EAM |  | Crusher                  |
| EAN |  | Dedusting System         |
| EAU |  | Sampling Unit            |
| EAY |  | Moisture Control         |
| EBG |  | Water Scraper            |
| EAB |  | Bulldozer                |
| EAB |  | Hydraulic Excavator      |
| EAB |  | Front-end Loader         |
| EAB |  | Pay-Loader               |

## ABBREVIATION

- |       |                          |
|-------|--------------------------|
| MS    | Magnetic Separator       |
| BS    | Belt Scale               |
| BC    | Belt Conveyor            |
| TT    | Transfer Tower           |
| RG    | Roller Grizzly           |
| BW    | Belt Width               |
| CR    | Crusher                  |
| CSU   | Continuous Ship Unloader |
| SA    | Sampling Unit            |
| MD    | Metal Detector           |
| MM    | Moisture Monitor         |
| DE    | Dust Extraction          |
| TC    | Tripper Car              |
| ST/RE | Stacker / Reclaimer      |
| WS    | Water separator          |
| HU    | Hoist unit               |
| BR    | Bridge                   |
| BR    | Bridge                   |
| SP    | Stockpile                |
| TU    | Tunnel                   |
| 2WC   | 2-way-chute              |

|                                                                                       |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| GENERAL INFORMATION FOR CONTRACTOR                                                    |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 1                                                                                     |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 2                                                                                     |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 3                                                                                     |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 4                                                                                     |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 5                                                                                     |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| 6                                                                                     | 04.10.16 | Revised on per instruction 10.16<br>date 20.07.2016 | DWG HT                                                                                | DEP W       | INDIC PD |      |                                                                                       |  |  |
| 7                                                                                     | 07.07.16 | Revised on per job variation                        | DWG HT                                                                                | DEP W       | INDIC PD |      |                                                                                       |  |  |
| 8                                                                                     | 02.10.15 | FOR APPROVAL                                        | DWG HT                                                                                | DEP W       | INDIC PD |      |                                                                                       |  |  |
| REV.                                                                                  | DATE     | DESCRIPTION                                         | DRWN                                                                                  | CHKD        | APPD     |      |                                                                                       |  |  |
| OWNER                                                                                 |          |                                                     | OWNER'S COMMENTS                                                                      |             |          |      |                                                                                       |  |  |
|  |          |                                                     | <b>FICHTNER</b><br>GmbH & Co.KG                                                       |             |          |      |  |  |  |
| VIETNAM OIL AND GAS GROUP<br>(P.VN)                                                   |          |                                                     | FICHTNER SHARI & Co. KG      PT. PERTAMINA                                            |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| EPC CONTRACTOR                                                                        |          |                                                     | EPC CONTRACTOR: CONSUMEYUT                                                            |             |          |      |                                                                                       |  |  |
|  |          |                                                     |  |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| VIETNAM MACHINERY<br>INSTALLATION CORPORATION<br>(LILAMA)                             |          |                                                     | TOKYO ELECTRIC POWER SERVICES<br>COMPANY LIMITED - TEPSCO                             |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| PROJECT TITLE:                                                                        |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| <b>SONG HAU 1 THERMAL POWER PLANT</b><br><b>2 x 600MW</b>                             |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| CONTRACT NO.                                                                          |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| M02/SH1-LLM-NARIME                                                                    |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| DRAWING TITLE                                                                         |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| COAL HANDLING SYSTEM<br>PROCESS FLOW DIAGRAM                                          |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| CONTRACTOR                                                                            |          |                                                     | FUNCTION                                                                              |             | NAME     | NO.  | DATE                                                                                  |  |  |
| SUB-CONTRACTOR                                                                        |          |                                                     | DRWN                                                                                  | DWG HT      |          |      | 20.06.16                                                                              |  |  |
|                                                                                       |          |                                                     | DEP W                                                                                 |             |          |      | 05.10.16                                                                              |  |  |
|                                                                                       |          |                                                     | APPD                                                                                  | INDIC PD    |          |      | 04.10.16                                                                              |  |  |
| DRAWING NO.                                                                           |          |                                                     | SH1-NAR-PI00-W-M02-DAL-6001                                                           | PROJECT NO. | SCALE    | REV. |                                                                                       |  |  |
|                                                                                       |          |                                                     |                                                                                       | 1 of 3      |          |      |                                                                                       |  |  |
| File path : \\Server\Project\SH1\Drawings\SH1-NAR-PI00-W-M02-DAL-6001                 |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |
| Rev. Date                                                                             |          |                                                     |                                                                                       |             |          |      |                                                                                       |  |  |

## RECLAIMING STOCKPILE



- ### KKS & SYMBOL
- |     |                                                                                     |                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| EAA |  | Continuous Ship Unloader |
| EAC |  | Belt Conveyor            |
| UEF |  | Transfer Tower           |
| UEY |  | Conveyor Gallery         |
| ECA |  | 2 way chute              |
| EBE |  | Magnetic Separator       |
| SMU |  | Hoist                    |
| EAT |  | Belt Scale               |
| UBC |  | Stockpile                |
| EBE |  | Metal Detector           |
| EAD |  | Stacker/Reclaimer        |
| EAD |  | Tripper Car              |
| UEX |  | Tunnel                   |
| EBD |  | Roller Grizzly           |
| EAM |  | Cruiser                  |
| EAN |  | Dedusting System         |
| EAY |  | Sampling Unit            |
| EAL |  | Moisture Control         |
| EBG |  | Water Scraper            |
| EAB |  | Bulldozer                |
| EAB |  | Hydraulic Excavator      |
| EAB |  | Front-end Loader         |
| EAB |  | Pay-Loader               |

### ABBREVIATION

- |       |                          |
|-------|--------------------------|
| MS    | Magnetic Separator       |
| B5    | Belt Scale               |
| 9C    | Belt Conveyor            |
| TT    | Transfer Tower           |
| RG    | Roller Grizzly           |
| BW    | Belt Width               |
| CR    | Crusher                  |
| CSU   | Continuous Ship Unloader |
| SA    | Sampling Unit            |
| MD    | Metal Detector           |
| MM    | Moisture Monitor         |
| DE    | Dust Extraction          |
| TC    | Tripper Car              |
| ST/RE | Stacker / Reclaimer      |
| WS    | Water separator          |
| HU    | Hoist unit               |
| BR    | Bridge                   |
| BR    | Bridge                   |
| SP    | Stockpile                |
| TU    | Tunnel                   |
| 2WC   | 2-way-chute              |

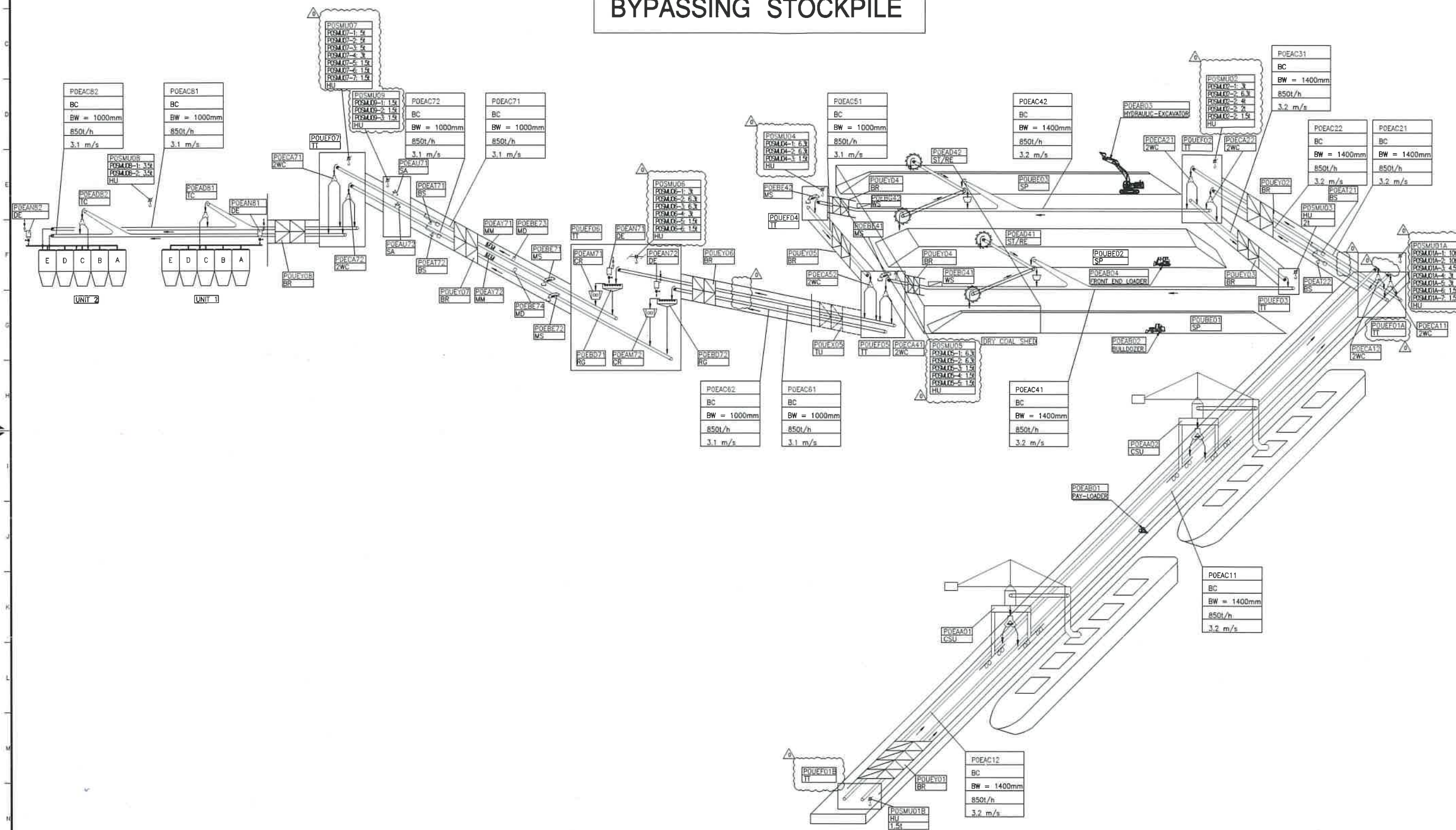
Đây là tài liệu của NARAME. Mọi sự sao chép đều không hợp pháp

0068  
NHÁ  
T Đ  
U K  
ĐÀ Đ  
T N  
PHỐ

[illegible]

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                        |                                                                                   |                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1<br>2<br>3<br>4<br>5<br>6<br>7<br>8<br>9<br>10<br>11<br>12<br>13<br>14<br>15<br>16<br>17<br>18<br>19<br>20<br>21<br>22<br>23<br>24<br>25<br>26<br>27<br>28<br>29<br>30<br>31<br>32<br>33<br>34<br>35<br>36<br>37<br>38<br>39<br>40<br>41<br>42<br>43<br>44<br>45<br>46<br>47<br>48<br>49<br>50<br>51<br>52<br>53<br>54<br>55<br>56<br>57<br>58<br>59<br>60<br>61<br>62<br>63<br>64<br>65<br>66<br>67<br>68<br>69<br>70<br>71<br>72<br>73<br>74<br>75<br>76<br>77<br>78<br>79<br>80<br>81<br>82<br>83<br>84<br>85<br>86<br>87<br>88<br>89<br>90<br>91<br>92<br>93<br>94<br>95<br>96<br>97<br>98<br>99<br>100 | SEARCHED <input type="checkbox"/> INDEXED <input type="checkbox"/><br>SERIALIZED <input type="checkbox"/> FILED <input type="checkbox"/><br>MAR 1967<br>FBI - NEW YORK | TO: SAC, NEW YORK<br>FROM: SAC, NEW YORK<br>SUBJECT: [REDACTED]<br>RE: [REDACTED] | SEARCHED <input type="checkbox"/> INDEXED <input type="checkbox"/><br>SERIALIZED <input type="checkbox"/> FILED <input type="checkbox"/><br>MAR 1967<br>FBI - NEW YORK |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | [REDACTED]                                                                                                                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | [REDACTED]                                                                                                                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | [REDACTED]                                                                                                                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | [REDACTED]                                                                                                                                                             |                                                                                   |                                                                                                                                                                        |

## BYPASSING STOCKPILE



- |                         |                                                                                                              |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>KKS &amp; SYMBOL</b> |                                                                                                              |
| EAA                     |  Continuous Ship Unloader |
| UEF                     |  Belt Conveyor            |
| UEF                     |  Transfer Tower           |
| UEX                     |  Conveyor Gallery         |
| ECA                     |  2 way chute              |
| ERE                     |  Magnetic Separator       |
| SMU                     |  Hoist                    |
| EAT                     |  Belt Scale               |
| URE                     |  Stockpile                |
| ERE                     |  Metal Detector           |
| EAD                     |  Stacker/Reclaimer        |
| EAT                     |  Tripper Car              |
| UEX                     |  Tunnel                   |
| EBD                     |  Roller Grizzly           |
| EAM                     |  Crusher                  |
| EAN                     |  Dedusting System         |
| EAU                     |  Sampling Unit            |
| EAY                     |  Moisture Control         |
| EBG                     |  Water Scraper            |
| EAB                     |  Bulldozer                |
| EAB                     |  Hydraulic Excavator      |
| EAB                     |  Front-end Loader         |
| EAB                     |  Pay-Loader               |
| <b>ABBREVIATION</b>     |                                                                                                              |
| MS                      | Magnetic Separator                                                                                           |
| BS                      | Belt Scale                                                                                                   |
| BC                      | Belt Conveyor                                                                                                |
| TT                      | Transfer Tower                                                                                               |
| RG                      | Roller Grizzly                                                                                               |
| BW                      | Belt Width                                                                                                   |
| CR                      | Crusher                                                                                                      |
| CSU                     | Continuous Ship Unloader                                                                                     |
| SA                      | Sampling Unit                                                                                                |
| MD                      | Metal Detector                                                                                               |
| MM                      | Moisture Monitor                                                                                             |
| DE                      | Dust Extraction                                                                                              |
| TC                      | Tripper Car                                                                                                  |
| ST/RE                   | Stacker / Reclaimer                                                                                          |
| WS                      | Water separator                                                                                              |
| HU                      | Hoist unit                                                                                                   |
| BR                      | Bridge                                                                                                       |
| BR                      | Bridge                                                                                                       |
| SP                      | Stockpile                                                                                                    |
| TU                      | Tunnel                                                                                                       |
| ZWC                     | 2-way-chute                                                                                                  |

Đây là tài liệu của NARIME. Mọi sự sao chép đều không hợp pháp

592-036  
H  
V  
KHÍ  
NỘI

[illegible][illegible]